



FOREST POLICY TRADE AND FINANCE INITIATIVE

THÁNG 6, 2026

ĐI TÌM QUYỀN CHO ĐẤT

Đạo đức sinh thái nhân văn trong nông nghiệp hiện đại

TS. Phạm Tuấn Anh

Nguyên Giám đốc Sở NN & PTNT Đắk Nông



THÁNG 6, 2026

GIỚI THIỆU

Những bài viết gần đây của tác giả về Tây Nguyên đã lần lượt chạm tới nhiều lớp vấn đề đang nằm khuất sâu dưới bề mặt của nền nông nghiệp hiện đại. Từ những dịch chuyển lặng lẽ của cảnh quan, sinh kế và quản trị trong **“Màu xanh đại ngàn đổi sắc”**, đến những **“Di chứng sinh thái tích tụ phía sau mỗi mùa vàng bội thu”**, rồi thực trạng **“Đất đang dần chết”** dưới áp lực canh tác vượt ngưỡng và những nguy cơ đứt gãy ngày càng hiện rõ trong chuỗi giá trị nông sản.

Dù tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, tất cả các nghiên cứu thực địa này đều hội tụ ở một nhận thức chung: phía sau những con số tăng trưởng ấn tượng của nông nghiệp hàng hóa, nền đất và không gian sinh thái của Tây Nguyên đang phải đối mặt với những tổn thương sâu sắc và sự suy kiệt sinh lực tự nhiên qua thời gian.

Trong chuyên luận **“Đi tìm quyền cho đất – Đạo đức sinh thái nhân văn trong nông nghiệp hiện đại”**, khái niệm **“quyền của đất”** được đặt ra như một hệ quy chiếu mới về mối quan hệ tổng hòa giữa con người, hệ đất sống và sự phát triển bền vững dưới lăng kính sinh thái nhân văn. Đây không phải là một khuôn mẫu định sẵn, mà là một nỗ lực khơi mở không gian cho những thảo luận, phân biện khách quan và trách nhiệm trên cả phương diện học thuật lẫn chính sách đương đại.

Hy vọng những vấn đề được đặt ra ở đây sẽ là nguồn cảm hứng cho những ai quan tâm đến đất, đến nền tảng sinh thái của tất cả chúng ta.



THÁNG 6, 2026

LỜI TÁC GIẢ

Trong khuôn khổ diễn đàn trực tuyến với chủ đề “Đất đang dần chết – Từ suy thoái sinh thái đến đứt gãy chuỗi giá trị: Ý nghĩa với nông nghiệp bền vững, sinh kế cộng đồng và EUDR” do Forest Trends tổ chức vào đầu tháng 5/2026, TS. Tô Xuân Phúc đã đặt ra một vấn đề khá đặc biệt: “Quyền của đất”.

“Quyền của đất” xuất hiện vào đúng thời điểm những dấu hiệu suy thoái đất, những giới hạn sinh thái và những lo ngại về tính bền vững của nền nông nghiệp thâm canh ngày càng hiện rõ ngoài thực địa.

Gắn bó với Tây Nguyên đủ lâu, điều khiến tôi suy nghĩ nhiều không chỉ là những con số về diện tích, năng suất hay sản lượng, mà còn là những thay đổi âm thầm đang diễn ra trong lòng đất qua từng mùa vụ.

Đất không thể tự lên tiếng về những tổn thương của mình. Nhưng những mảnh vườn kém sắc, những dòng suối cạn dần, dần hợp xướng của côn trùng ngày một thưa vắng và cả những nỗi lo mơ hồ nhưng rất thật của người nông dân về tương lai của đất — đây chính là những tín hiệu mà đất đang gửi tới chúng ta.

Chuyên luận này là một nỗ lực nhìn lại mối quan hệ giữa con người và đất dưới góc nhìn sinh thái nhân văn. Đất được tiếp cận không chỉ như một tư liệu sản xuất, mà còn là nền tảng sinh thái của sự sống và là di sản mà thế hệ hôm nay trao lại cho thế hệ mai sau.

Quyền của đất không phải là sự mở rộng quyền lực cho đất, mà là sự giới hạn quyền lực của con người đối với đất.

Quyền của đất không chỉ là câu chuyện của đất. Đó còn là câu chuyện về tương lai của chính chúng ta.

Trước một lĩnh vực còn rất mới mẻ và phức tạp, chuyên luận chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế nhất định.

Tác giả xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với sự hỗ trợ và chia sẻ tri thức quý báu từ TS. Tô Xuân Phúc cùng các đồng nghiệp tại Forest Trends.



MỤC LỤC

Giới thiệu	2	
Lời tác giả	3	
Mở đầu: Khi đất bắt đầu lên tiếng	6	
Chương 01	Đất đang dần kiệt quệ sau những mùa vàng	8
	1.1. Tây Nguyên và nghịch lý của những mùa vàng	
	1.2. Khi đất bắt đầu lên tiếng	
	1.3. Điều còn thiếu trong cách nhìn về đất	
Chương 02	Từ quyền của tự nhiên đến hành trình đi tìm quyền cho đất	14
	2.1. Từ quyền đối với đất đến quyền của đất	
	2.2. Khi đất được nhìn như một hệ sinh thái sống	
	2.3. Từ đạo đức đất đai đến quyền của tự nhiên	
	2.4. Từ học thuật đến thực tiễn pháp lý	
	2.5. Những tranh luận còn tiếp diễn	
	2.6. Kết chương: Những gợi mở cho Việt Nam	
Chương 03	Đạo lý của cha ông: Giá trị sinh thái nhân văn trong nông nghiệp hiện đại	21
	3.1. Đất trong đạo lý của cha ông	
	3.2. Những giới hạn sinh thái trong tri thức truyền thống	
	3.3. Quyền của đất nhìn từ đạo lý của cha ông	



Chương 04	Quyền của đất: Khung khái niệm và hệ nguyên tắc tiên đề	24
	4.1. Nguyên tắc tiếp cận tiên đề và ranh giới thuật ngữ	
	4.2. Khung khái niệm “Quyền của đất”	
	4.3. Từ quyền của đất đến trách nhiệm của con người	
Chương 05	Bối cảnh Việt Nam: Khoảng trống pháp lý và đề xuất cơ chế giám hộ	29
	5.1. Quyền của đất và phản ứng của xã hội	
	5.2. Khoảng trống pháp lý trong bảo vệ sức khỏe đất	
	5.3. Đề xuất cơ chế giám hộ đất	
Chương 06	Quyền của đất: Lòng biết ơn và bổn phận đền đáp	32
	6.1. Lòng biết ơn là điểm khởi đầu	
	6.2. Bổn phận đền đáp là nền tảng	
	6.3. Cam kết liên thế hệ và trách nhiệm đạo đức sinh thái nhân văn	
	Kết luận	35
	Tài liệu tham khảo	36



THÁNG 6, 2026

MỞ ĐẦU KHI ĐẤT BẮT ĐẦU LÊN TIẾNG

Cây trồng có thể vẫn tốt hơn, sản lượng có thể vẫn cao hơn, nhưng nền tảng sự sống bên dưới lại đang dần suy yếu...

Đất vẫn im lặng. Nhưng những tổn thương sinh thái tích tụ qua nhiều mùa mưa nắng đang dần hiện rõ. Đó là cách đất lên tiếng.

Có lẽ ít nơi nào mà câu chuyện của đất và người lại gắn bó chặt chẽ như ở Tây Nguyên.

Trong ký ức của nhiều người, đó là vùng đất đỏ bazan màu mỡ, nơi những cánh rừng dường như bất tận, những dòng suối chưa cạn tiếng chảy và những buôn làng sống cùng nhịp mùa ẩn sâu dưới tán rừng cổ thụ. Tuy nhiên, sự mở rộng nhanh chóng của các vùng chuyên canh cây công nghiệp trong những năm qua đã góp phần làm thay đổi sâu sắc cảnh quan Tây Nguyên.

Những thay đổi diễn ra trên bề mặt của đất. Nhưng hệ quả của chúng không dừng lại ở đó. Chúng lan tới nguồn nước, sinh kế, văn hóa cộng đồng và khả năng phát triển lâu dài của cả một vùng đất. Khi màu xanh đại ngàn đổi sắc, không chỉ rừng thay đổi. Khi đất suy thoái sau những mùa vàng, những tác động ấy cũng dần hiện diện trong đời sống của con người.

Từ những đổi thay đó, một câu hỏi đặt ra: chúng ta cần ứng xử với đất như thế nào để đất có thể tiếp tục nuôi dưỡng cuộc sống của chính chúng ta?

Để trả lời câu hỏi ấy, cần trở lại với một Tây Nguyên đại ngàn.



Ảnh 3: Rừng núi Tây Nguyên. Nguồn: Forest Trends



THÁNG 6, 2026

Ngày đó, đất không chỉ là nơi để gieo trồng. Người Tây Nguyên xưa chọn đất theo màu đất, theo cây rừng, theo dòng nước và nhịp điệu của tự nhiên. Việc canh tác cũng gắn liền với tập quán luân khoảnh để đất có thời gian nghỉ và tự phục hồi. Với các cộng đồng bản địa, đất không chỉ là nơi “chọc tỉa”, mà còn giữ nước cho suối, nuôi cây cho rừng, giữ cái bếp luôn đỏ, giữ cái bụng luôn no cho dân làng và lưu giữ ký ức cộng đồng qua nhiều thế hệ.

Chính từ nền đất ấy, nhiều sử thi, tri thức bản địa, tập quán canh tác và ý thức cộng đồng dựa trên luật tục đã được hình thành và lưu truyền.

Những giá trị ấy không chỉ thuộc về quá khứ. Trong nhiều suy ngẫm về nông nghiệp hiện đại, ông Lê Minh Hoan cũng từng nhắc đến đất như một tài sản sống cần được chăm sóc, thay vì chỉ là nền để gieo hạt.¹ Dù xuất phát từ những bối cảnh khác nhau, tri thức bản địa và tư duy quản trị đương đại dường như gặp nhau ở một điểm chung: đất không đơn thuần tạo ra mùa vụ, mà đang nâng đỡ sự sống.

Thế nhưng, những bước ngoặt phát triển kinh tế đã mở ra một chương hoàn toàn khác cho đất đai Tây Nguyên. Sự hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn nhanh chóng làm thay đổi không gian sinh thái nhân văn truyền thống. Đất đỏ bazan từ chỗ là nền tảng nuôi dưỡng sự sống theo nhịp điệu tự nhiên, dần trở thành tư liệu sản xuất phục vụ tăng trưởng. Đằng sau những mùa vàng bội thu và các con số tăng trưởng ấn tượng ấy, lòng đất đang âm thầm gánh chịu áp lực ngày càng lớn từ mô hình thâm canh cường độ cao.

Góc nhìn thực địa cho thấy nhiều dấu hiệu đáng lo ngại. Có những khoảnh rẫy nhìn từ xa vẫn là một thảm xanh độc canh đồng đều, nhưng cấu trúc sinh học bên dưới thực chất đã bắt đầu suy kiệt, hệ vi sinh vật nghèo nàn và nền đất dần trở nên nén chặt, chua hóa. Người nông dân hiểu rõ điều ấy hơn ai hết khi chi phí đầu vào kỹ thuật để “nuôi” cây ngày một tăng cao nhằm bù đắp cho phần sinh lực tự nhiên đã hao hụt của đất. Trong những chuyến đi thực tế, giữa những câu chuyện về đất đai và mùa vụ, không ít lần được nghe các bác nông dân lớn tuổi chia sẻ một nỗi lo rất thực: “Giờ nhiều người không còn thương đất nữa, ép đất quá sức”.

Đằng sau lời nói mộc mạc ấy là một nghịch lý của nông nghiệp hiện đại: cây trồng có thể vẫn tốt hơn, sản lượng có thể vẫn cao hơn, nhưng nền tảng sự sống bên dưới lại đang dần suy yếu. Đất vẫn ở đó, nhưng như một phản ánh đầy trăn trở trong bài viết “[Khi đất im lặng](#)”,² góc nhìn chính sách đương đại: “Đất không còn “thở”. Đất như đang giữ im lặng”.

Đất vẫn im lặng. Nhưng những tổn thương sinh thái tích tụ qua nhiều mùa mưa nắng đang dần hiện rõ. Đó là cách đất lên tiếng. Đã đến lúc chúng ta cần nhìn đất theo một cách khác — không chỉ là nơi tạo ra những vụ mùa, mà còn là nền tảng đang nâng đỡ sự sống và tương lai của nhiều thế hệ. Chính từ suy nghĩ ấy, khái niệm “*quyền của đất*” được đặt ra trong chuyên luận như một nỗ lực gợi mở cách ứng xử hài hòa và có trách nhiệm hơn với đất.

¹Đất khỏe - Người nông dân khỏe

² Ông Lê Minh Hoan - Nguyên Ủy viên BCH TW Đảng, nguyên Phó chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, nguyên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT



CHƯƠNG I

ĐẤT ĐANG DẪN KIẾT QUỆ SAU NHỮNG MÙA VÀNG

Hành trình đi tìm quyền của đất không thể bắt đầu từ những khái niệm pháp lý trừu tượng, mà cần bắt đầu từ việc nhìn lại những gì đang diễn ra ngay dưới chân mình. Để thấu hiểu vì sao một hệ sinh thái từng âm thầm nuôi dưỡng sự sống qua nhiều thế hệ nay lại dần kiệt quệ, cần thẳng thắn và sòng phẳng với cách mà con người đang ứng xử với đất trong nền nông nghiệp hiện đại. Những giới hạn sinh thái của đất đang ngày một hiện rõ dưới những tán cà phê, hồ tiêu, cao su và cây ăn trái trải dài trên các sườn đồi đại ngàn.

Tây Nguyên – vùng đất được thiên nhiên ưu đãi bởi những tầng đất đỏ bazan màu mỡ, đồng thời là thủ phủ của nhiều loại nông sản chủ lực – chính là một lát cắt tiêu biểu cho quá trình ấy. Những mùa vàng bội thu đã mang lại sự đổi thay cho đời sống của hàng triệu người, nhưng cũng để lại những dấu hiệu suy kiệt của đất ngày càng rõ nét. Và chính từ những dấu hiệu ấy, câu chuyện về quyền của đất bắt đầu được đặt ra.

1.1. Tây Nguyên và nghịch lý của những mùa vàng

Đất trong ký ức của đại ngàn

Ngày ấy, cuộc sống còn nhiều khó khăn. Năng suất thấp, sản lượng không cao và sinh kế phụ thuộc nhiều vào tự nhiên. Nhưng đổi lại, đất vẫn được nghỉ ngơi và phục hồi theo nhịp điệu vốn có của nó.

Có một thời, khi những vùng chuyên canh cà phê, hồ tiêu hay sầu riêng còn chưa xuất hiện, phần lớn cộng đồng bản địa ở Tây Nguyên sống dựa vào nương rẫy, vào rừng, vào các dòng sông, con suối, những sử thi, những luật tục và cả nhịp điệu cồng chiêng của buôn làng.

Tháng Ba, mùa con ong đi lấy mật, cũng là lúc nhiều buôn làng bắt đầu tìm đất cho mùa rẫy mới. Già làng cùng những thanh niên trai tráng mang theo xà gạt băng qua rừng, lội qua suối và thác ghềnh để tìm nơi đất có màu đỏ tươi, lớp mùn dày, nguồn nước trong. Trước khi phát dọn, họ làm lễ cúng Yàng để xin phép thần linh và cầu mong một mùa vụ thuận lợi.



Ảnh 4: Cảnh đồng lúa chín tại Buôn Choah, Krông Nô. Nguồn: Phạm Tuấn Anh



THÁNG 6, 2026

Sau vài mùa gieo tría và thu hoạch, người ta lại rời đi, gửi trả đất về cho tự nhiên. Trong những năm tháng nghỉ ngơi ấy, cây rừng mọc trở lại, lớp lá mục dần phủ kín mặt đất và sự sống âm thầm hồi sinh. Đến một thời điểm thích hợp, đất lại được đón nhận một chu kỳ canh tác mới và tiếp tục nuôi dưỡng buôn làng.

Đó không đơn thuần là một tập quán sản xuất. Đó còn là cách người Tây Nguyên ứng xử với đất. Họ hiểu rằng đất cũng cần có thời gian nghỉ ngơi sau những mùa làm ra cái ăn cho con người.

Ngày ấy, cuộc sống còn nhiều khó khăn. Năng suất thấp, sản lượng không cao và sinh kế phụ thuộc nhiều vào tự nhiên. Nhưng đổi lại, đất vẫn được nghỉ ngơi và phục hồi theo nhịp điệu vốn có của nó.

Rời Tây Nguyên bước vào một thời kỳ khác.

Khi đất trở thành tư liệu sản xuất

Những hệ sinh thái đa dạng trước đây dần được thay thế bằng các vùng trồng đơn canh quy mô lớn. Đất từ chỗ là một phần của không gian sinh thái và văn hóa buôn làng, từng bước trở thành nền tảng cho một nền nông nghiệp vận hành theo quy luật của thị trường.

Từ đầu thập niên 1990, cùng với công cuộc Đổi mới, vùng đất này chứng kiến những biến chuyển mạnh mẽ về dân cư, sinh kế và phương thức sản xuất. Những dòng người từ nhiều vùng miền trong cả nước tìm đến Tây Nguyên lập nghiệp. Dân số tăng nhanh, nhu cầu về đất ở, đất sản xuất và cơ hội sinh kế cũng tăng theo.

Những cánh rừng từng bao phủ phần lớn diện tích đất đai dần được chuyển đổi thành nương rẫy và các vùng chuyên canh cây công nghiệp. Cà phê, cao su, hồ tiêu rồi sau này là sầu riêng và nhiều loại cây ăn trái khác lần lượt mở rộng diện tích. Từ một vùng đất chủ yếu dựa vào kinh tế tự cung tự cấp, Tây Nguyên từng bước trở thành một trong những trung tâm sản xuất nông sản hàng hóa lớn nhất cả nước.

Sự chuyển đổi ấy mang lại những thay đổi to lớn. Hàng triệu hộ gia đình có thêm cơ hội thoát nghèo và cải thiện đời sống. Nông nghiệp trở thành động lực tăng trưởng quan trọng của vùng. Những mùa vàng

không chỉ làm thay đổi diện mạo kinh tế mà còn góp phần đưa nhiều loại nông sản Việt Nam tham gia sâu hơn vào thị trường toàn cầu.

Nhưng cùng với quá trình ấy, cách con người nhìn nhận về đất cũng dần thay đổi. Nếu trước đây đất được xem là một phần của hệ sinh thái mà con người nương tựa vào, thì nay đất ngày càng được tiếp cận như một tư liệu sản xuất phục vụ mục tiêu tăng năng suất và tối đa hóa lợi nhuận. Giá trị kinh tế của đất ngày càng được đề cao, trong khi các chức năng sinh thái vốn có của đất ít được quan tâm hơn.

Sự mở rộng nhanh chóng của các vùng chuyên canh đã làm thay đổi đáng kể cảnh quan tự nhiên của Tây Nguyên. Nhiều diện tích rừng bị thu hẹp để nhường chỗ cho sản xuất nông nghiệp. Những hệ sinh thái đa dạng trước đây dần được thay thế bằng các vùng trồng đơn canh quy mô lớn. Đất từ chỗ là một phần của không gian sinh thái và văn hóa buôn làng, từng bước trở thành nền tảng cho một nền nông nghiệp vận hành theo quy luật của thị trường.



THÁNG 6, 2026

Những thay đổi ấy đã tạo nên những mùa vàng cho Tây Nguyên. Nhưng cũng từ đây, những áp lực mới bắt đầu xuất hiện trong lòng đất.

Nghịch lý phía sau những mùa vàng

Sự chuyển dịch sang nền nông nghiệp hàng hóa đã mang lại những thành tựu đáng kể cho Tây Nguyên. Nhiều loại nông sản chủ lực như cà phê, hồ tiêu, cao su hay sầu riêng liên tục mở rộng diện tích và gia tăng sản lượng. Những mùa vàng nối tiếp nhau đã góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và làm thay đổi diện mạo của cả một vùng đất.

Tuy nhiên, phía sau những thành quả ấy là một thực tế ít được chú ý hơn. Trong suốt nhiều năm, phần lớn nỗ lực của hệ thống sản xuất tập trung vào việc gia tăng năng suất và sản lượng. Để duy trì tốc độ tăng trưởng đó, lượng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật và các loại vật tư nông nghiệp được sử dụng ngày càng nhiều hơn. Cây trồng được nuôi dưỡng để cho năng suất cao hơn, nhưng sức khỏe của đất lại không phải lúc nào cũng được quan tâm tương xứng.

Nghịch lý của nền nông nghiệp hiện đại bắt đầu xuất hiện từ đó. Trên mặt đất, cây trồng vẫn xanh tốt và sản lượng vẫn tăng lên qua từng năm. Nhưng dưới lớp đất canh tác, nhiều chức năng sinh thái quan trọng đang dần suy giảm. Chất hữu cơ hao hụt, hệ sinh vật đất nghèo đi, khả năng giữ nước và tự điều tiết của đất cũng suy yếu theo thời gian.

Những thành tựu kinh tế trước mắt vì thế có thể đang được đánh đổi bằng sự suy giảm sức khỏe của đất trong dài hạn. Đất vẫn tiếp tục nuôi dưỡng cây trồng, nhưng ngày càng cần nhiều phân bón hơn, nhiều nước tưới hơn và nhiều can thiệp kỹ thuật hơn để duy trì cùng một mức năng suất. Đó chính là nghịch lý phía sau những mùa vàng:

“ ***Sản lượng có thể tăng lên,
nhưng nền tảng làm nên những mùa vàng ấy
lại đang dần suy kiệt.*** ”





THÁNG 6, 2026

1.2. Khi đất bắt đầu lên tiếng

Đất không thể tự lên tiếng khi bị khai thác vượt quá khả năng phục hồi, nhưng những tổn thương sinh thái tích tụ qua từng vụ mùa chính là câu trả lời rõ ràng nhất của tự nhiên.

Đất không biết nói.

Nhưng đất chưa bao giờ im lặng.

Khi đất khỏe mạnh, những tín hiệu ấy thường hòa lẫn vào sự bình thường của mỗi mùa vụ và ít được chú ý. Chỉ đến khi đất bắt đầu suy yếu, các dấu hiệu cảnh báo mới hiện lên rõ nét hơn qua sự suy giảm độ phì nhiêu, mất cân bằng sinh học, gia tăng xói mòn hay sự phụ thuộc ngày càng lớn vào các đầu vào hóa học.

Những gì đang diễn ra ở Tây Nguyên cho thấy đất không phải là một nguồn tài nguyên vô tận. Đất có những giới hạn sinh thái riêng, có khả năng tự phục hồi hữu hạn và có thể bị tổn thương bởi chính những phương thức khai thác của con người. Những biểu hiện dưới đây chính là cách đất đang lên tiếng.

Đất đang bội thực

Đất ngày càng được “cho ăn” nhiều hơn nhưng sức khỏe lại không được cải thiện tương ứng. Đó là dấu hiệu cho thấy đất đang bước vào trạng thái bội thực.

Nếu nhìn từ bên ngoài, nhiều vùng chuyên canh ở Tây Nguyên hôm nay vẫn phủ một màu xanh của cà phê, hồ tiêu hay cây ăn trái đang sinh trưởng tốt. Mỗi mùa vụ đi qua, người nông dân tiếp tục đầu tư thêm phân bón với kỳ vọng duy trì năng suất và thu nhập.

Nhưng sâu dưới lớp đất canh tác, một thực tế khác đang âm thầm diễn ra.

Ở nhiều vùng sản xuất, lượng phân bón sử dụng cho cùng một đơn vị diện tích đã tăng lên đáng kể so với trước đây. Nhiều nông dân cho biết để duy trì cùng một mức năng suất, họ phải bón nhiều hơn và thường xuyên hơn. Điều đó cho thấy đất đang dần mất đi khả năng tự cung cấp dinh dưỡng vốn có.

Cũng giống như cơ thể con người, đất cần một chế độ dinh dưỡng cân bằng. Khi lượng đầu vào được bổ sung liên tục trong thời gian dài, phần dinh dưỡng dư thừa không được sử dụng hiệu quả có thể làm gia tăng tình trạng mất cân bằng trong hệ đất sống.

Vì thế, một nghịch lý bắt đầu xuất hiện: đất ngày càng được “cho ăn” nhiều hơn nhưng sức khỏe lại không được cải thiện tương ứng. Đó là dấu hiệu cho thấy đất đang bước vào trạng thái bội thực.



THÁNG 6, 2026

Cũng giống như cơ thể con người, sự mỏi mệt của đất không xuất hiện trong một sớm một chiều. Nó tích tụ qua từng mùa vụ, từng lớp hữu cơ mất đi và từng chu trình sinh học bị đứt gãy. Đến một thời điểm nào đó, những tổn thương âm thầm ấy sẽ không còn chỉ là câu chuyện của đất, mà trở thành vấn đề của toàn bộ hệ thống sản xuất đang phụ thuộc vào nó.

Sự mỏi mệt của nền đất bazan

Không phải mọi tổn thương của đất đều dễ dàng nhận thấy bằng mắt thường. Khác với một cánh rừng bị đốn hạ hay một dòng sông bị ô nhiễm, sự suy yếu của đất thường diễn ra âm thầm và kéo dài qua nhiều năm. Chỉ đến khi năng suất giảm sút hoặc chi phí sản xuất tăng lên bất thường, người ta mới nhận ra những biến đổi đã tích tụ từ rất lâu trong lòng đất.

Đối với Tây Nguyên, sự mỏi mệt ấy đang diễn ra ngay trên những tầng đất đỏ bazan từng được xem là nguồn tài nguyên quý giá nhất của vùng. Trong điều kiện tự nhiên, đất bazan giàu chất hữu cơ, giữ nước tốt và chứa một hệ sinh vật đất phong phú. Chính những đặc tính ấy đã tạo nên lợi thế cho nhiều vùng chuyên canh nông sản.

Tuy nhiên, nhiều năm canh tác thâm canh đã làm nền đất ấy dần thay đổi. Hàm lượng chất hữu cơ suy giảm, đất chua hóa, đa dạng sinh học đất nghèo đi và môi trường sống của nhiều nhóm vi sinh vật có lợi bị thu hẹp. Khi chất hữu cơ giảm và hệ sinh vật đất bị tổn thương, cấu trúc vật lý của đất cũng thay đổi theo: đất trở nên chai cứng hơn, khả năng thấm nước giảm xuống và hiện tượng xói mòn diễn ra thường xuyên hơn.

Cũng giống như cơ thể con người, sự mỏi mệt của đất không xuất hiện trong một sớm một chiều. Nó tích tụ qua từng mùa vụ, từng lớp hữu cơ mất đi và từng chu trình sinh học bị đứt gãy. Đến một thời điểm nào đó, những tổn thương âm thầm ấy sẽ không còn chỉ là câu chuyện của đất, mà trở thành vấn đề của toàn bộ hệ thống sản xuất đang phụ thuộc vào nó.

Điều đáng lo ngại là quá trình ấy thường diễn ra rất chậm và khó nhận biết. Khi những dấu hiệu suy yếu đã hiện rõ trên cây trồng hoặc năng suất bắt đầu giảm sút, nhiều tổn thương trong lòng đất có thể đã tích tụ từ nhiều năm trước. Chính vì vậy, cái giá phải trả cho sự suy thoái đất thường không xuất hiện ngay lập tức, mà âm thầm chuyển thành những rủi ro lâu dài đối với sản xuất nông nghiệp và sinh kế của người dân.



Ảnh 6: Cách canh tác làm cho đất nghèo kiệt. Nguồn: Phạm Tuấn Anh



THÁNG 6, 2026

1.3. Điều còn thiếu trong cách nhìn về đất

Trong nhiều năm qua, hàng loạt giải pháp bảo vệ và phục hồi đất đã được đề xuất, từ tăng cường sử dụng phân hữu cơ, giảm hóa chất nông nghiệp, che phủ đất cho đến các mô hình canh tác tái sinh. Những giải pháp ấy là cần thiết, nhưng thực tế cho thấy tình trạng suy giảm sức khỏe đất vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi. Điều đó cho thấy vấn đề có lẽ không chỉ nằm ở kỹ thuật.

Có một thực tế ít khi được nhắc tới: trong phần lớn các quyết định phát triển, đất vẫn được nhìn nhận chủ yếu như một tư liệu sản xuất. Giá trị của đất thường được đo bằng năng suất, sản lượng hay hiệu quả kinh tế mà nó mang lại, trong khi các chức năng sinh thái như duy trì đa dạng sinh học, điều hòa nước, lưu giữ các-bon và nuôi dưỡng sự sống dưới lòng đất lại ít được quan tâm tương xứng.

Chính cách tiếp cận ấy đã tạo nên một nghịch lý.

“ **Chúng ta rất quan tâm đến việc cây trồng cần gì, nhưng lại ít khi đặt câu hỏi đất cần gì. Chúng ta dễ dàng tính toán lượng dinh dưỡng cần bổ sung cho cây, nhưng hiếm khi tính đến những gì đất đang mất đi qua từng mùa vụ. Khi đất chỉ được nhìn như một công cụ sản xuất, những tổn thương tích tụ trong lòng đất thường bị xem nhẹ vì chưa xuất hiện ngay trong các chỉ tiêu kinh tế trước mắt.** ”

Điều còn thiếu có lẽ không phải là những cảnh báo về suy thoái đất, mà là một cách nhìn đầy đủ hơn về vị trí của đất trong hệ thống phát triển. Đất không chỉ tạo ra nông sản, mà còn duy trì các điều kiện để sự sống có thể tiếp tục tồn tại. Những gì chúng ta nhận được từ đất hôm nay thực chất là kết quả của các quá trình tích tụ sinh thái kéo dài qua nhiều thế hệ trước đó.

Điều đang diễn ra ở Tây Nguyên cho thấy vấn đề không chỉ nằm ở cách chúng ta canh tác, mà còn ở cách chúng ta nhìn nhận về đất. Nếu đất chỉ được xem là một tư liệu sản xuất, những nỗ lực phục hồi sẽ luôn bị giới hạn trong phạm vi kỹ thuật. Nhưng nếu đất được nhìn nhận như nền tảng nâng đỡ sự sống và là di sản sinh thái cần được trao truyền cho các thế hệ mai sau, câu chuyện sẽ dẫn tới những câu hỏi sâu xa hơn về trách nhiệm, công bằng sinh thái và vị trí của đất trong hệ thống quản trị đương đại. Chính từ những trăn trở ấy, hành trình đi tìm quyền của đất bắt đầu.



CHƯƠNG II

TỪ QUYỀN CỦA TỰ NHIÊN ĐẾN HÀNH TRÌNH ĐI TÌM QUYỀN CHO ĐẤT

Những thập niên gần đây, suy thoái đất đã trở thành một trong những thách thức môi trường ngày càng được quan tâm trên phạm vi toàn cầu. Khi các giới hạn sinh thái của đất dần bộc lộ dưới tác động của khai thác quá mức, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, các câu hỏi về bảo vệ đất cũng vượt ra ngoài phạm vi của khoa học nông nghiệp hay các giải pháp kỹ thuật đơn thuần.

Từ những cảnh báo của khoa học đất hiện đại, nhiều cuộc thảo luận mới đã xuất hiện trong triết học môi trường, đạo đức sinh thái và quản trị phát triển. Những thảo luận này từng bước làm thay đổi cách con người nhìn nhận về tự nhiên nói chung và đất đai nói riêng: từ một nguồn tài nguyên phục vụ phát triển sang một nền tảng sinh thái duy trì sự sống.

Chương này khái quát một số nền tảng khoa học, các dòng tư tưởng học thuật và những chuyển biến thể chế tiêu biểu trên thế giới có liên quan đến quá trình hình thành các thảo luận về quyền của đất hiện nay.

Cũng cần khẳng định rằng, cho đến nay chưa có quốc gia nào trên thế giới công nhận “*quyền của đất*” như một chế độ pháp lý độc lập và hoàn chỉnh. Vì vậy, nội dung chương không nhằm tìm kiếm các mô hình quyền của đất đã tồn tại, mà tập trung làm rõ bối cảnh học thuật và thực tiễn đã dẫn tới sự xuất hiện của câu hỏi: liệu đất có cần được nhìn nhận theo một cách khác trong các quyết định phát triển của con người hay không?



THÁNG 6, 2026

Nếu “quyền đối với đất” tập trung vào việc xác lập các quyền của con người đối với tài nguyên đất đai, thì “quyền của đất” hướng sự quan tâm tới những điều kiện cần thiết để đất có thể duy trì các chức năng sinh thái và khả năng tự tái tạo của mình.

2.1. Từ quyền đối với đất đến quyền của đất

Trong suốt chiều dài lịch sử, khi nói đến quyền liên quan đến đất đai, phần lớn các xã hội thường tập trung vào một câu hỏi trung tâm: ai có quyền đối với đất?

Đó là câu chuyện về quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền thừa kế, quyền chuyển nhượng hay quyền tiếp cận đất đai. Từ các bộ luật cổ đại đến các hệ thống pháp luật hiện đại, đất chủ yếu được nhìn nhận như một tài sản, một nguồn lực kinh tế hoặc một tư liệu sản xuất phục vụ nhu cầu phát triển của con người. Cách tiếp cận này thường được gọi là “quyền đối với đất” (rights to land) và là nền tảng của hầu hết các hệ thống quản trị đất đai trên thế giới hiện nay.

Tuy nhiên, từ nửa sau thế kỷ XX, cùng với sự gia tăng của các cuộc khủng hoảng môi trường và suy thoái đất trên phạm vi toàn cầu, nhiều học giả bắt đầu đặt ra một câu hỏi khác: liệu việc bảo vệ quyền của con người đối với đất đã đủ để bảo vệ chính nền tảng đang nâng đỡ sự sống hay chưa?

Những tiến bộ của khoa học đất hiện đại cho thấy đất không đơn thuần là một giá thể vô tri hay một kho chứa dinh dưỡng cho cây trồng. Đất là một hệ sinh thái sống với nhiều chức năng thiết yếu đối với sản xuất lương thực, điều hòa nước, lưu giữ các-bon, duy trì đa dạng sinh học và ổn định khí hậu. Các nghiên cứu của Rattan Lal, van Mansvelt cùng nhiều nhà khoa học đất đương đại đã góp phần làm rõ những chức năng ấy, đồng thời cảnh báo về các giới hạn sinh thái của đất trước áp lực khai thác ngày càng gia tăng.

Những phát hiện đó không chỉ làm thay đổi cách khoa học nhìn nhận về đất, mà còn tác động mạnh mẽ đến triết học môi trường và tư duy pháp lý đương đại. Từ tư tưởng “Đạo đức đất đai” (*Land Ethic*) của Aldo Leopold đến những tranh luận về tư cách pháp lý của tự nhiên do Christopher Stone khởi xướng, một nhận thức mới dần hình thành: tự nhiên không chỉ có giá trị vì những lợi ích mà nó mang lại cho con người, mà còn có những giá trị nội tại cần được tôn trọng và bảo vệ.

Chính trong bối cảnh đó, khái niệm “quyền của đất” (*rights of soil*) từng bước xuất hiện như một hướng tiếp cận mới. Nếu “quyền đối với đất” tập trung vào việc xác lập các quyền của con người đối với tài nguyên đất đai, thì “quyền của đất” hướng sự quan tâm tới những điều kiện cần thiết để đất có thể duy trì các chức năng sinh thái và khả năng tự tái tạo của mình.

Điều này không có nghĩa là phủ nhận quyền sở hữu hay quyền sử dụng đất của con người. Ngược lại, cách tiếp cận này cho rằng quyền của con người và sức khỏe lâu dài của đất là hai yếu tố gắn bó và phụ thuộc lẫn nhau. Khi các giới hạn sinh thái của đất bị vượt qua, không chỉ đất bị tổn thương mà chính các hệ thống sản xuất và sinh kế của con người cũng phải gánh chịu những hệ quả lâu dài.



THÁNG 6, 2026

Theo nghĩa đó, “*quyền của đất*” trước hết không phải là một khái niệm pháp lý, mà là một sự chuyển dịch trong nhận thức. Đó là sự chuyển dịch từ cách nhìn xem đất chủ yếu là đối tượng để sở hữu và khai thác sang cách nhìn nhận đất như một hệ sinh thái sống cần được bảo vệ những điều kiện tồn tại của chính mình.

Những thay đổi trong nhận thức đó đã mở đường cho một câu hỏi mới: nếu đất không chỉ là một nguồn lực để khai thác, thì cần nhìn nhận đất như thế nào trong bối cảnh phát triển hiện đại? Để trả lời câu hỏi ấy, khoa học đất đã cung cấp những phát hiện quan trọng về bản chất sống của đất.

... đất không đơn thuần là một giá thể vô tri, mà là một hệ sinh thái sống vô cùng phức tạp, nơi diễn ra hàng tỷ tương tác sinh học, hóa học và vật lý mỗi ngày.

2.2. Khi đất được nhìn như một hệ sinh thái sống

Trong một thời gian dài, đất thường được nhìn nhận chủ yếu như một lớp vật chất nằm dưới chân con người, có chức năng giữ cây đứng vững và cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng. Trong cách tiếp cận này, giá trị của đất phần lớn được đánh giá thông qua năng suất mà nó tạo ra hoặc lợi ích kinh tế mà nó mang lại.

Tuy nhiên, những tiến bộ của khoa học đất, sinh thái học và khoa học môi trường trong nhiều thập niên gần đây đã làm thay đổi đáng kể nhận thức ấy. Ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy đất không đơn thuần là một giá thể vô tri, mà là một hệ sinh thái sống vô cùng phức tạp, nơi diễn ra hàng tỷ tương tác sinh học, hóa học và vật lý mỗi ngày.

Một nắm đất khỏe mạnh có thể chứa hàng tỷ vi sinh vật cùng vô số dạng sống khác tham gia vào quá trình tuần hoàn dinh dưỡng, hình thành cấu trúc đất và duy trì độ phì nhiêu tự nhiên.

Từ góc nhìn khoa học hiện đại, đất không chỉ tạo ra lương thực. Đất còn điều hòa dòng chảy nước, lưu giữ các-bon, hỗ trợ đa dạng sinh học và góp phần duy trì sự ổn định của nhiều hệ sinh thái tự nhiên. Chính vì vậy, ngày càng nhiều nhà khoa học và tổ chức quốc tế xem sức khỏe đất là một trong những nền tảng của phát triển bền vững.



Ảnh 8: Bà con Tây Nguyên thu hoạch hạt cà phê. Nguồn: Forest Trends



THÁNG 6, 2026

Các nghiên cứu của Rattan Lal, Herman van Mansvelt cùng nhiều nhà khoa học đất đương đại đã góp phần làm rõ những chức năng sống ấy, đồng thời cảnh báo về các giới hạn sinh thái của đất trước áp lực khai thác ngày càng gia tăng. Từ đó, khái niệm “sức khỏe đất” (soil health) dần hình thành như một cách tiếp cận mới trong quản lý tài nguyên đất, nhấn mạnh khả năng của đất trong việc duy trì các chức năng sinh thái, hỗ trợ sự sống và thích ứng trước những biến động của môi trường.

Sự thay đổi trong nhận thức khoa học đã tạo ra những tác động vượt ra ngoài phạm vi của nông học hay thổ nhưỡng học. Khi đất được nhìn nhận như một hệ sinh thái sống với những chức năng thiết yếu đối với sự tồn tại của con người, câu hỏi không còn dừng lại ở việc làm thế nào để khai thác đất hiệu quả hơn. Một câu hỏi khác bắt đầu được đặt ra: liệu các hệ sinh thái có những giá trị và điều kiện tồn tại cần được xã hội tôn trọng và bảo vệ hay không?

Chính từ những câu hỏi ấy, một dòng chảy tư tưởng mới đã dần hình thành trong triết học môi trường và luật học hiện đại.

... **tự nhiên ngày càng được nhìn nhận không chỉ như đối tượng khai thác mà còn là một thực thể cần được tôn trọng, bảo vệ và phục hồi trong các quyết định phát triển.**

2.3. Từ đạo đức đất đai đến quyền của tự nhiên

Những thay đổi trong nhận thức về đất và các hệ sinh thái không chỉ diễn ra trong khoa học mà còn lan sang lĩnh vực triết học môi trường và đạo đức sinh thái.

Năm 1949, Aldo Leopold trong tác phẩm *A Sand County Almanac* đã đề xuất khái niệm “Đạo đức đất đai” (*Land Ethic*). Theo ông, con người không nên tự xem mình là chủ nhân của đất mà là một thành viên trong cộng đồng sinh thái rộng lớn bao gồm đất, nước, thực vật và động vật. Một hành động được xem là đúng khi nó góp phần duy trì tính toàn vẹn, ổn định và vẻ đẹp của cộng đồng sinh thái đó.

Từ nền tảng này, nhiều học giả tiếp tục phát triển các cách tiếp cận mới về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Đặc biệt, Christopher Stone với bài viết nổi tiếng *Should Trees Have Standing?* (1972) đã đặt ra câu hỏi liệu các thực thể tự nhiên có thể được thừa nhận như những chủ thể có quyền hay không. Những tư tưởng này góp phần hình thành phong trào Quyền của Tự nhiên (Rights of Nature) xuất hiện tại nhiều quốc gia trong những thập niên gần đây.

Một số quốc gia và khu vực đã bắt đầu công nhận quyền của tự nhiên hoặc trao tư cách pháp nhân cho các thực thể sinh thái cụ thể. Hiến pháp Ecuador năm 2008 công nhận quyền của tự nhiên; Bolivia ban hành Luật về Quyền của Mẹ Trái Đất; New Zealand trao tư cách pháp nhân cho sông Whanganui; trong khi Tây Ban Nha công nhận địa vị pháp lý đặc biệt cho đầm phá Mar Menor.

Mặc dù các trường hợp này chưa phải là sự công nhận quyền của đất theo nghĩa riêng biệt, chúng phản ánh một xu hướng quan trọng: tự nhiên ngày càng được nhìn nhận không chỉ như đối tượng khai thác mà còn là một thực thể cần được tôn trọng, bảo vệ và phục hồi trong các quyết định phát triển.



Mặc dù nhiều thực thể tự nhiên như sông, rừng hay các hệ sinh thái đã được công nhận những địa vị pháp lý nhất định tại một số quốc gia, việc công nhận trực tiếp quyền của đất vẫn còn là một lĩnh vực mới và đang trong quá trình hình thành.

2.4. Từ học thuật đến thực tiễn pháp lý

Trong một thời gian dài, các thảo luận về quyền của tự nhiên chủ yếu tồn tại trong lĩnh vực triết học môi trường, luật học và khoa học sinh thái. Tuy nhiên, trước áp lực ngày càng gia tăng của các cuộc khủng hoảng môi trường, những ý tưởng này dần vượt ra khỏi phạm vi học thuật để bước vào đời sống chính sách và pháp luật.

Một trong những bước ngoặt quan trọng diễn ra tại Ecuador khi quốc gia này đưa các quyền của tự nhiên vào Hiến pháp năm 2008. Không lâu sau đó, Bolivia cũng ban hành các đạo luật về Quyền của Mẹ Trái Đất (Rights of Mother Earth). Dù cách thức thực thi còn nhiều tranh luận, những bước đi này đã đánh dấu sự chuyển dịch từ tư duy quản lý tài nguyên sang việc bảo vệ các điều kiện tồn tại của hệ sinh thái.

Một hướng tiếp cận khác xuất hiện tại New Zealand. Thay vì trao quyền một cách khái quát cho toàn bộ tự nhiên, quốc gia này lựa chọn bảo vệ các thực thể sinh thái cụ thể. Năm 2017, sông Whanganui được công nhận là một thực thể pháp lý với cơ chế đồng giám hộ giữa Nhà nước và cộng đồng Māori. Những năm gần đây, cách tiếp cận tương tự cũng xuất hiện tại một số nơi khác, trong đó có đầm phá Mar Menor ở Tây Ban Nha, nơi được trao địa vị pháp lý nhằm ứng phó với tình trạng suy thoái môi trường kéo dài.

Song song với các sáng kiến về quyền của tự nhiên, nhiều tổ chức quốc tế cũng bắt đầu chuyển trọng tâm từ khai thác đất sang bảo vệ sức khỏe đất. Liên minh châu Âu, FAO, ITPS cùng nhiều tổ chức khác đã thúc đẩy các chương trình giám sát sức khỏe đất, phục hồi đất suy thoái và duy trì các chức năng sinh thái của đất trong dài hạn. Mặc dù không trực tiếp sử dụng khái niệm “quyền của đất”, các sáng kiến này đều phản ánh một nhận thức chung rằng đất không phải là nguồn tài nguyên vô hạn và cần được bảo vệ các điều kiện để tiếp tục thực hiện các chức năng sống của mình.

Điều đáng chú ý là các mô hình trên thế giới không hoàn toàn giống nhau. Có nơi lựa chọn trao địa vị pháp lý cho các thực thể tự nhiên; có nơi tập trung vào cơ chế giám hộ; có nơi ưu tiên các chính sách quản trị dựa trên sức khỏe hệ sinh thái. Tuy nhiên, phía sau những khác biệt ấy là một điểm gặp gỡ quan trọng: các hệ sinh thái không thể được bảo vệ hiệu quả nếu chỉ được nhìn nhận như những nguồn lực kinh tế đơn thuần.

Những chuyển biến trong nhận thức và thể chế cho thấy các cuộc thảo luận về quyền của tự nhiên và quyền của đất không còn chỉ tồn tại trong phạm vi học thuật. Chúng đang từng bước ảnh hưởng đến cách thức xây dựng chính sách, quản trị môi trường và bảo vệ các hệ sinh thái tại nhiều quốc gia.

Mặc dù nhiều thực thể tự nhiên như sông, rừng hay các hệ sinh thái đã được công nhận những địa vị pháp lý nhất định tại một số quốc gia, việc công nhận trực tiếp quyền của đất vẫn còn là một lĩnh vực mới và đang trong quá trình hình thành. Phần lớn các sáng kiến hiện nay tập trung vào bảo vệ sức khỏe đất và các chức năng sinh thái của đất hơn là trao cho đất một địa vị pháp lý độc lập.

Tuy nhiên, quá trình chuyển hóa từ tư tưởng sang thể chế cũng đặt ra nhiều câu hỏi mới. Liệu mọi hệ sinh thái đều cần được trao địa vị pháp lý? Ai sẽ lên tiếng cho quyền của đất? Và làm thế nào để dung hòa giữa nhu cầu phát triển của con người với các giới hạn sinh thái của tự nhiên?



THÁNG 6, 2026

2.5. Những tranh luận còn tiếp diễn

Mặc dù các tiếp cận về quyền của tự nhiên và quyền của đất đã có những bước tiến đáng kể trong cả học thuật lẫn thực tiễn pháp lý, đây vẫn là một lĩnh vực đang tiếp tục phát triển. Từ các tranh luận triết học, những nghiên cứu khoa học cho đến các thử nghiệm thể chế tại nhiều quốc gia, không ít vấn đề quan trọng vẫn đang được thảo luận và chưa đạt được sự đồng thuận rộng rãi.

Quyền hay trách nhiệm?

Một trong những tranh luận nổi bật là liệu đất có thực sự cần được tiếp cận dưới góc độ “quyền” hay không. Những người ủng hộ cho rằng ngôn ngữ quyền có thể tạo ra cơ sở mạnh mẽ hơn để bảo vệ các giới hạn sinh thái và các chức năng sống của đất. Trong khi đó, một số học giả khác cho rằng điều quan trọng không nằm ở việc trao cho đất một vị thế mới, mà là xây dựng các cơ chế đủ hiệu quả để bảo đảm con người thực hiện trách nhiệm bảo vệ và phục hồi đất.

Ai đại diện cho đất?

Ngay cả khi chấp nhận rằng đất cần được bảo vệ như một thực thể sinh thái đặc biệt, một câu hỏi khác cũng được đặt ra: ai sẽ đại diện cho những lợi ích của đất? Bởi đất không thể tự lên tiếng cho những tổn thương của mình, việc bảo vệ các lợi ích sinh thái của đất luôn đòi hỏi sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau như cộng đồng địa phương, giới khoa học, các tổ chức xã hội và Nhà nước. Đây cũng là một trong những vấn đề trung tâm của các mô hình giám hộ tự nhiên trên thế giới.

Làm thế nào để dung hòa giữa phát triển và các giới hạn sinh thái?

Bên cạnh vấn đề quyền và đại diện, các cuộc thảo luận cũng thường xoay quanh việc làm thế nào để dung hòa giữa nhu cầu phát triển của con người với các giới hạn sinh thái của tự nhiên. Phần lớn các học giả hiện nay không xem quyền của đất là một khái niệm đối lập với phát triển, mà là một nỗ lực nhằm xác lập những giới hạn cần được tôn trọng để các hệ sinh thái tiếp tục duy trì các chức năng sống của mình trong dài hạn.



Ảnh 9: Cà phê được trồng trên nền đất màu mỡ áp dụng chế độ dinh dưỡng từ phân hữu cơ và vi sinh từ năm 2018 tại hợp tác xã Bích Thao (Sơn La). Nguồn: Forest Trends



THÁNG 6, 2026

Dù còn nhiều tranh luận, các tiếp cận về quyền của đất đều góp phần củng cố một nhận thức đang ngày càng được thừa nhận rộng rãi: đất không chỉ là nguồn lực kinh tế để khai thác mà còn là nền tảng sinh thái cần được duy trì nếu con người muốn phát triển bền vững trong dài hạn.

Có thể nói, quyền của đất vẫn là một hướng tiếp cận mới, đang tiếp tục được khám phá trong khoa học đất, đạo đức sinh thái và quản trị môi trường.

2.6. Kết chương: Những gợi mở cho Việt Nam

Cho đến nay, quyền của đất vẫn chưa phải là một học thuyết hoàn chỉnh hay một mô hình thể chế được thừa nhận rộng rãi trên thế giới. Những gì đang diễn ra phản ánh một quá trình tìm kiếm các cách tiếp cận mới nhằm bảo vệ các chức năng sống của đất trong bối cảnh suy thoái đất, biến đổi khí hậu và các giới hạn sinh thái ngày càng trở nên rõ ràng.

Điều quan trọng nhất mà các cuộc thảo luận này mang lại có lẽ không nằm ở việc đất đã được trao những quyền gì về mặt pháp lý. Quan trọng hơn, chúng góp phần làm thay đổi cách con người nhìn nhận về đất: từ một nguồn lực để khai thác sang một nền tảng sinh thái cần được bảo vệ, nuôi dưỡng và phục hồi.

Đối với Việt Nam, điều quan trọng không phải là có áp dụng một mô hình nào từ bên ngoài hay không. Điều quan trọng là chúng ta có dám nhìn thẳng vào thực trạng của đất hôm nay hay không. Khi đất đang suy thoái, mất dần hữu cơ, suy giảm đa dạng sinh học và ngày càng phụ thuộc vào các đầu vào bên ngoài để duy trì năng suất, thì câu chuyện không còn chỉ là quản lý đất đai hay sử dụng đất hiệu quả. Đó là câu chuyện về việc bảo vệ nền tảng sinh thái đang nâng đỡ toàn bộ nền nông nghiệp và sinh kế của hàng triệu người dân.

Từ góc nhìn đó, việc đi tìm quyền cho đất trước hết không nhằm bổ sung thêm một khái niệm mới vào hệ thống lý luận hay pháp luật. Điều quan trọng hơn là nhắc chúng ta rằng đất cần được gìn giữ và nuôi dưỡng như chính nền tảng của sự sống. Nếu đất tiếp tục suy thoái, những nỗ lực xây dựng một nền nông nghiệp bền vững sẽ khó có được nền tảng để tồn tại lâu dài.

Muốn bảo vệ tương lai của nông nghiệp, trước hết phải bảo vệ được đất. Và muốn bảo vệ được đất, đất cần có chỗ đứng xứng đáng hơn trong nhận thức xã hội, trong chính sách công và trong các quyết định phát triển.

Đó chính là quyền của đất.

“ *Xét đến cùng, đi tìm quyền cho đất là hành trình tìm lại trách nhiệm của con người đối với mảnh đất đã và đang nuôi dưỡng sự sống.* ”



CHƯƠNG III

ĐẠO LÝ CỦA CHA ÔNG

GIÁ TRỊ SINH THÁI NHÂN VĂN TRONG NÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI

Trong những cuộc tranh luận hiện đại về quyền của tự nhiên hay quyền của đất, nhiều ý tưởng thường được xem như những cách tiếp cận mới của thời đại ngày nay. Tuy nhiên, lịch sử ứng xử của con người với đất đai cho thấy nhận thức về trách nhiệm đối với đất không chỉ bắt đầu từ các học thuyết hay thiết chế pháp lý hiện đại.

Trong quá trình sinh tồn và canh tác, nhiều cộng đồng đã hình thành những nguyên tắc ứng xử với đất dựa trên kinh nghiệm sống, sự quan sát tự nhiên và trách nhiệm đối với các thế hệ mai sau. Việt Nam cũng không nằm ngoài dòng chảy đó.

Chương này nhìn lại một số giá trị sinh thái nhân văn được lưu giữ trong tập quán canh tác, luật tục và tri thức bản địa như những gợi mở cho việc xây dựng cách ứng xử hài hòa hơn với đất trong bối cảnh hiện nay.

Trong cách nhìn của cha ông, đất vì thế không đơn thuần là đối tượng để sở hữu hay khai thác. Đất còn là một phần của trật tự tự nhiên cần được tôn trọng. Tinh thần ấy được thể hiện qua tín ngưỡng nông nghiệp, các nghi lễ mùa vụ và nhiều quy ước cộng đồng về sử dụng tài nguyên.

3.1. Đất trong đạo lý của cha ông

Từ rất lâu trước khi xuất hiện các khái niệm về phát triển bền vững, sức khỏe đất hay quyền của tự nhiên, đất đã hiện diện trong đời sống người Việt như một phần không thể tách rời của sinh kế và sự tồn tại. Đất không chỉ là nơi gieo trồng, dựng nhà hay tạo ra của cải vật chất, mà còn gắn với nguồn cội, ký ức gia đình và trách nhiệm truyền lại cho các thế hệ mai sau.

Nhiều kinh nghiệm sản xuất truyền thống phản ánh cách nhìn ấy. Cha ông không xem đất là nguồn lợi có thể khai thác vô hạn. Trong tư duy canh tác của người xưa, việc sử dụng đất luôn gắn với những giới hạn nhằm duy trì khả năng sinh lợi lâu



Ảnh 10: Một nông hộ trồng cà phê theo cách nuôi đất ở Tây Nguyên. Nguồn: Phạm Tuấn Anh



THÁNG 6, 2026

dài của đồng ruộng. Những quan niệm như “lấy ngắn nuôi dài”, “để dành cho con cháu” hay các tập quán luân canh, nghỉ đất cho thấy nhận thức về trách nhiệm đối với tương lai đã xuất hiện từ rất sớm.

Đáng chú ý, những giới hạn ấy không được diễn đạt bằng ngôn ngữ khoa học hay pháp luật mà được chuyển hóa thành các chuẩn mực đạo đức và văn hóa. Con người không chỉ bị ràng buộc bởi lợi ích trước mắt mà còn bởi trách nhiệm đối với cộng đồng, tổ tiên và các thế hệ kế tiếp.

Trong cách nhìn của cha ông, đất vì thế không đơn thuần là đối tượng để sở hữu hay khai thác. Đất còn là một phần của trật tự tự nhiên cần được tôn trọng. Tinh thần ấy được thể hiện qua tín ngưỡng nông nghiệp, các nghi lễ mùa vụ và nhiều quy ước cộng đồng về sử dụng tài nguyên.

Ngày nay, nhiều giá trị ấy có thể không còn hiện diện nguyên vẹn. Tuy nhiên, đằng sau những tập quán và kinh nghiệm được truyền lại qua nhiều thế hệ vẫn là một thông điệp đáng suy ngẫm: con người có thể sống nhờ đất, nhưng không thể tồn tại nếu làm tổn thương chính nền tảng đang nuôi dưỡng mình.

... trước khi khoa học hiện đại nói đến giới hạn sinh thái, nhiều cộng đồng đã tự đặt ra những giới hạn cho chính mình trong quá trình khai thác tự nhiên. Họ chưa từng nói đến “quyền của đất”, nhưng đã sớm thừa nhận rằng đất có những giới hạn cần được tôn trọng và con người không thể vượt qua những giới hạn ấy mà không phải trả giá.

3.2. Những giới hạn sinh thái trong tri thức truyền thống

Trong lịch sử phát triển của nhiều cộng đồng cư dân, đặc biệt là các cộng đồng bản địa sống gần gũi với tự nhiên, việc khai thác đất đai chưa bao giờ chỉ là câu chuyện của năng suất hay sản lượng. Xen giữa các hoạt động sản xuất luôn tồn tại những giới hạn được hình thành từ luật tục, tín ngưỡng, kinh nghiệm sống và trách nhiệm cộng đồng. Dưới góc nhìn ngày nay, đó có thể được xem như những giới hạn sinh thái nhằm duy trì sự cân bằng giữa nhu cầu của con người và khả năng đáp ứng của tự nhiên.

Tây Nguyên là một ví dụ tiêu biểu. Trong thế giới quan truyền thống của nhiều cộng đồng bản địa, đất đai, rừng núi và nguồn nước không hoàn toàn thuộc quyền định đoạt của con người mà gắn với cộng đồng, thần linh và các thế hệ tương lai. Những quy định về rừng thiêng, bến nước hay các nghi lễ mùa vụ đều phản ánh nhận thức rằng việc khai thác tự nhiên cần có những giới hạn nhất định.

Từ nhận thức đó, nhiều tập quán sản xuất mang tính tự điều chỉnh đã hình thành. Canh tác luân khoảnh là một ví dụ. Sau một số mùa gieo trồng, đất được trả lại cho tự nhiên để phục hồi độ phì nhiêu và tái tạo thảm thực vật. Dù không được lý giải bằng các khái niệm khoa học hiện đại, cách làm ấy cho thấy cộng đồng đã sớm nhận ra rằng đất không thể bị khai thác liên tục mà không cần thời gian phục hồi.

Tri thức truyền thống cũng nhìn nhận đất, rừng và nước như những thành phần gắn bó hữu cơ với nhau. Giữ rừng là giữ nước; giữ nước là giữ đất; giữ đất cũng là bảo vệ sinh kế của



THÁNG 6, 2026

buôn làng. Nhờ đó, nhiều cộng đồng đã duy trì được sự cân bằng tương đối giữa nhu cầu sản xuất và khả năng tự phục hồi của hệ sinh thái.

Nhìn từ hiện tại, những tập quán ấy có thể không còn phù hợp hoàn toàn với mọi bối cảnh phát triển. Tuy nhiên, trước khi khoa học hiện đại nói đến giới hạn sinh thái, nhiều cộng đồng đã tự đặt ra những giới hạn cho chính mình trong quá trình khai thác tự nhiên. Họ chưa từng nói đến “*quyền của đất*”, nhưng đã sớm thừa nhận rằng đất có những giới hạn cần được tôn trọng và con người không thể vượt qua những giới hạn ấy mà không phải trả giá.

3.3. Quyền của đất nhìn từ đạo lý của cha ông

Khái niệm “*quyền của đất*” chỉ mới xuất hiện trong các thảo luận học thuật và pháp lý những thập niên gần đây. Tuy nhiên, nếu nhìn sâu vào cách cha ông ứng xử với đất trong quá khứ, có thể nhận thấy nhiều giá trị nền tảng của cách tiếp cận này đã tồn tại dưới những hình thức khác nhau từ rất lâu.

Trước hết là sự thừa nhận rằng đất không phải là một nguồn lực vô hạn. Trong đời sống truyền thống, điều đó được thể hiện thông qua các tập quán canh tác, luật tục cộng đồng và những quy tắc ứng xử nhằm tránh khai thác đất vượt quá khả năng chịu đựng của tự nhiên. Đi cùng với đó là nhận thức về trách nhiệm liên thế hệ, khi đất đai không chỉ được xem là tài sản để sử dụng mà còn là phần vốn liếng cần được gìn giữ và trao truyền cho con cháu.

Một giá trị khác cũng thường xuyên hiện diện trong tri thức truyền thống là sự tôn trọng đối với những giới hạn của tự nhiên. Con người không được nhìn nhận như một chủ thể có thể tùy ý quyết định mọi thứ đối với đất đai, rừng núi hay nguồn nước, mà là một thành viên trong trật tự sinh thái rộng lớn hơn.

Tất nhiên, đạo lý của cha ông và khái niệm quyền của đất thuộc hai hệ quy chiếu khác nhau. Một bên được hình thành từ kinh nghiệm sống, tri thức bản địa và các chuẩn mực văn hóa cộng đồng; bên kia là kết quả của những phát triển trong khoa học đất, triết học môi trường và luật học hiện đại. Tuy nhiên, giữa hai cách tiếp cận ấy vẫn tồn tại những điểm giao thoa đáng chú ý. Cả hai đều cùng hướng tới một mục tiêu chung: bảo vệ những điều kiện để đất có thể tiếp tục duy trì sự sống.

Quyền của đất không hẳn là một ý tưởng hoàn toàn xa lạ đối với văn hóa Việt Nam. Điều mới mẻ không nằm ở bản thân các giá trị nền tảng, mà nằm ở cách chúng được diễn đạt và thể chế hóa trong bối cảnh của xã hội hiện đại.

“ ***Nếu như đạo lý của cha ông đặt ra những giới hạn đạo đức đối với việc sử dụng đất, thì các tiếp cận đương đại đang tìm cách chuyển hóa những giá trị ấy thành các nguyên tắc quản trị, chính sách và thể chế phù hợp với những thách thức của thời đại ngày nay.*** ”



CHƯƠNG IV QUYỀN CỦA ĐẤT KHUNG KHÁI NIỆM VÀ HỆ NGUYÊN TẮC TIỀN ĐỀ

Những phân tích trong các chương trước cho thấy, dù xuất phát từ những góc nhìn khác nhau — từ thực tiễn suy thoái đất ở Tây Nguyên, các tranh luận học thuật trên thế giới cho đến đạo lý ứng xử với đất của cha ông — tất cả đều cùng dẫn tới một nhận thức chung: đất không chỉ là một tư liệu sản xuất đơn thuần. Đất là nền tảng sinh thái đang duy trì sự sống và cũng là điều kiện tồn tại của chính nền nông nghiệp.

Tuy nhiên, nhận thức ấy sẽ khó tạo ra thay đổi nếu không được chuyển hóa thành một khung tư duy đủ khả năng định hướng cách con người ứng xử với đất. Chính vì vậy, chuyên luận này đề xuất khái niệm “*quyền của đất*” như một nỗ lực tái định vị vị thế của đất trong tư duy quản trị và phát triển nông nghiệp hiện đại.

Đây không phải là một học thuyết hoàn chỉnh hay một thiết chế pháp lý đã được xác lập. Trước hết, đó là một khung khái niệm nhằm góp phần trả lời một câu hỏi căn bản: nếu đất là nền tảng của sự sống, con người cần ứng xử với đất như thế nào để những chức năng sống ấy tiếp tục được duy trì trong dài hạn?

4.1. Nguyên tắc tiếp cận tiền đề và ranh giới thuật ngữ

Để đi vào nội hàm của khái niệm này, cần làm rõ một số hệ quy chiếu nền tảng để tránh những cách hiểu chưa thống nhất.

Trước hết, chuyên luận này sử dụng khái niệm “*đất*” theo nghĩa thổ nhưỡng (*soil*), tức là lớp vật chất tự nhiên hình thành trên bề mặt Trái Đất, nơi diễn ra các quá trình vật lý, hóa học và sinh học duy trì sự sống. Cách hiểu này khác với khái niệm “*đất đai*” (*land*) vốn thường được sử dụng trong quản lý nhà nước, pháp luật và quy hoạch lãnh thổ để chỉ một không gian lãnh thổ gắn với các quyền sở hữu, sử dụng và khai thác.

Sự phân biệt này có ý nghĩa quan trọng bởi phần lớn các tranh luận về đất đai lâu nay thường xoay quanh quyền của con người đối với đất, như quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền chuyển nhượng hay quyền tiếp cận nguồn lực đất đai. Trong khi đó, khái niệm “*quyền của đất*” được đề cập trong chuyên luận này lại hướng tới một vấn đề khác: những điều kiện sinh thái cần được bảo đảm để đất tiếp tục duy trì khả năng sống và thực hiện các chức năng nền tảng của mình.

Trong cách tiếp cận này, đất được nhìn nhận như một chủ thể sinh thái đặc biệt. Khác với các chủ thể pháp lý truyền thống, đất không có ý chí hay khả năng tự đại diện cho mình. Tuy nhiên, với tư cách là nền tảng duy trì sự sống, đất có những điều kiện tồn tại tối thiểu cần được tôn trọng và bảo vệ.



THÁNG 6, 2026

Theo đó, “*quyền của đất*” không được hiểu là việc trao cho đất địa vị pháp lý tương đương với con người, cũng không nhằm phủ nhận quyền sở hữu hay quyền sử dụng đất đã được pháp luật thừa nhận. Cách tiếp cận này càng không phải là sự nhân cách hóa đất như một chủ thể có ý chí hay lợi ích độc lập.

Điều cốt lõi của khái niệm nằm ở sự thừa nhận rằng đất có những giới hạn sinh thái riêng và những điều kiện tồn tại tối thiểu cần được tôn trọng. Khi các giới hạn ấy bị vượt qua trong thời gian dài, không chỉ đất bị tổn thương mà chính các hệ thống sản xuất, sinh kế và phát triển của con người cũng phải đối mặt với những hệ lụy ngày càng lớn.

Từ cách tiếp cận đó, chuyên luận này được xây dựng trên một số nguyên tắc nền tảng.

Thứ nhất, nguyên tắc tôn trọng giới hạn sinh thái

Mọi hoạt động khai thác và sử dụng đất đều cần được đặt trong giới hạn chịu tải và khả năng phục hồi của hệ đất.

Thứ hai, nguyên tắc trách nhiệm liên thế hệ

Đất không chỉ là nguồn lực phục vụ nhu cầu của thế hệ hiện tại mà còn là nền tảng sinh thái cần được gìn giữ cho các thế hệ tương lai.

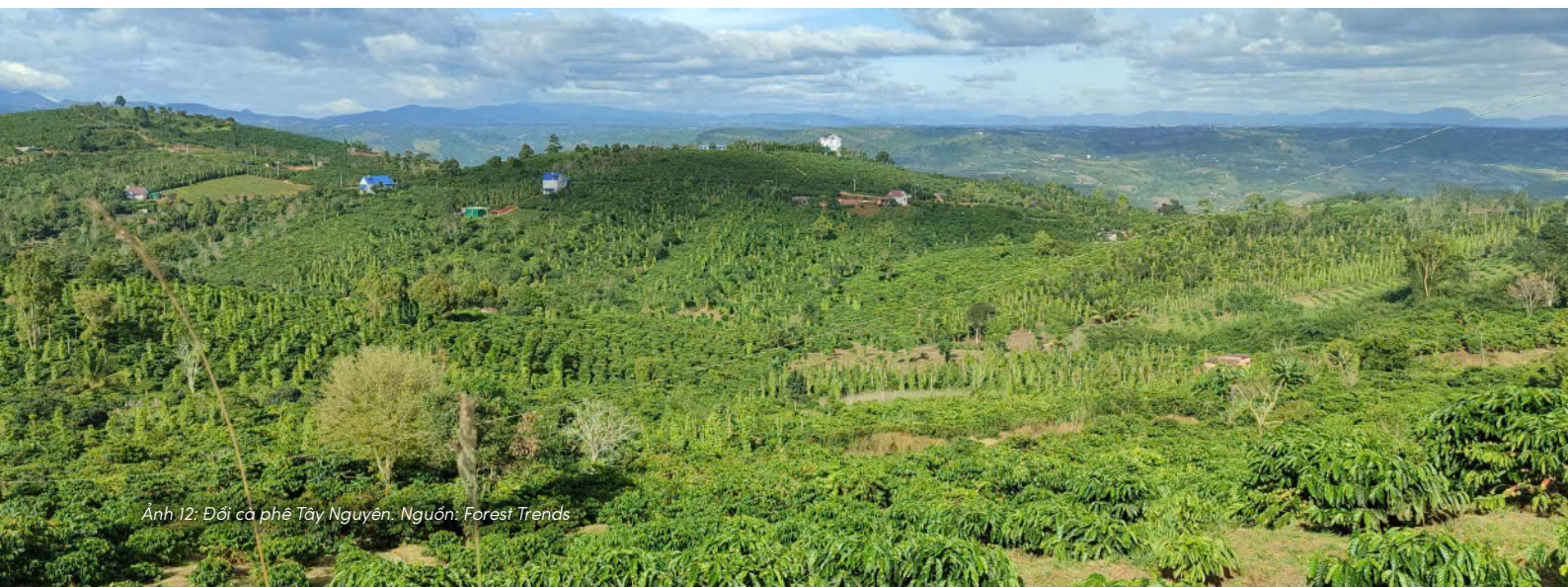
Thứ ba, nguyên tắc quản trị có trách nhiệm

Quyền sử dụng đất luôn đi kèm trách nhiệm duy trì sức khỏe và khả năng tái tạo của đất trong dài hạn.

Thứ tư, nguyên tắc phòng ngừa

Việc ngăn ngừa suy thoái đất cần được ưu tiên hơn so với khắc phục các tổn thương sau khi chúng đã xảy ra.

Những nguyên tắc này không nhằm thay thế các quy định hiện hành về quản lý đất đai, mà đóng vai trò như một hệ quy chiếu bổ sung để nhìn nhận đất dưới góc độ sinh thái và trách nhiệm xã hội. Trên nền tảng đó, khái niệm “*quyền của đất*” có thể được tiếp cận không phải như một khẩu hiệu đạo đức hay một tuyên bố mang tính biểu tượng, mà như một khung nhận thức nhằm định hướng các quyết định quản trị và phát triển trong bối cảnh những giới hạn sinh thái của đất đang ngày càng hiện rõ.





4.2. Khung khái niệm “Quyền của đất”

Nếu các chương trước tập trung lý giải vì sao cần nhìn nhận đất theo một cách khác, thì nội dung tiếp theo sẽ tập trung xác lập nội hàm của khái niệm “*quyền của đất*”.

Khái niệm Quyền của đất

Quyền của đất (Rights of Soil) được tiếp cận như một khung khái niệm sinh thái – quản trị nhằm thừa nhận rằng hệ sinh thái đất có những điều kiện tồn tại tối thiểu cần được bảo hộ để duy trì cấu trúc vật lý, cân bằng hóa học, đa dạng sinh học và khả năng phục hồi tự nhiên của mình.

Trên cơ sở đó, khung khái niệm này định hình một khuôn khổ ứng xử mới giữa con người và đất, trong đó hoạt động quản lý và khai thác tài nguyên phải đi đôi với trách nhiệm duy trì các điều kiện bảo đảm cho sự sống và chức năng sinh thái của đất.

Khái niệm này không phủ nhận quyền sở hữu hay quyền sử dụng đất của con người. Trọng tâm của nó là thiết lập những giới hạn sinh thái cần được tôn trọng trong quá trình khai thác, quản lý và sử dụng đất, bảo đảm rằng các nhu cầu phát triển không làm suy giảm khả năng duy trì các chức năng sống cơ bản của hệ đất trong dài hạn.

Theo cách tiếp cận này, quyền của đất không phải là sự mở rộng vô hạn các quyền cho tự nhiên. Trọng tâm của nó nằm ở việc xác định những điều kiện tối thiểu mà đất cần được bảo vệ để tiếp tục duy trì khả năng sống của mình. Những điều kiện ấy được khái quát thành ba quyền tự thân cơ bản tương ứng với ba hợp phần nền tảng của sức khỏe đất: vật lý, hóa học và sinh học.

Quyền duy trì cấu trúc vật lý

Cấu trúc vật lý là nền tảng đầu tiên làm nên sức khỏe của đất. Một nền đất khỏe mạnh cần duy trì được độ tơi xốp, khả năng thấm nước, giữ nước, trao đổi khí và chống chịu trước các tác động xói mòn hay nén chặt. Khi cấu trúc này bị phá vỡ, đất dần mất khả năng thực hiện các chức năng sinh thái cơ bản, kéo theo sự suy giảm của các quá trình hóa học và sinh học diễn ra trong lòng đất.

Ở đây, quyền duy trì cấu trúc vật lý được hiểu là quyền của đất được bảo hộ trước các tác động làm suy giảm hoặc phá vỡ cấu trúc tự nhiên của hệ đất. Quyền này đòi hỏi các hoạt động sử dụng đất phải tôn trọng khả năng chịu tải của đất, hạn chế các hình thức canh tác hoặc khai thác gây xói mòn, nén chặt, chai cứng hoặc làm mất lớp đất mặt.

Quyền duy trì cân bằng hóa học

Bên dưới bề mặt đất là một hệ thống các phản ứng hóa học phức tạp quyết định khả năng cung cấp dinh dưỡng, điều hòa môi trường sống của sinh vật đất và duy trì độ phì nhiêu tự nhiên. Sự mất cân bằng hóa học kéo dài có thể dẫn tới chua hóa, suy kiệt dinh dưỡng hoặc tích tụ các chất gây hại vượt quá ngưỡng chịu tải của hệ đất.



THÁNG 6, 2026

Vì vậy, quyền duy trì cân bằng hóa học được hiểu là quyền của đất được bảo vệ khỏi các tác động làm phá vỡ trạng thái cân bằng hóa học cần thiết cho sự vận hành bình thường của hệ đất. Quyền này hướng tới việc duy trì môi trường thổ nhưỡng lành mạnh, hạn chế ô nhiễm và bảo đảm khả năng tái tạo dinh dưỡng trong dài hạn.

Quyền duy trì sự sống sinh học

Đất không chỉ là tập hợp của khoáng chất và nước. Đó còn là môi trường sống của vô số vi sinh vật, nấm cộng sinh, động vật đất và các mạng lưới sinh học đang âm thầm duy trì các chu trình sống thiết yếu. Chính các cộng đồng sinh vật này tạo nên sức sống của đất và quyết định khả năng tự phục hồi của hệ sinh thái đất.

Quyền duy trì sự sống sinh học được hiểu là quyền của đất được bảo vệ các điều kiện cần thiết để các cộng đồng sinh vật đất tiếp tục tồn tại, phát triển và thực hiện các chức năng sinh thái của mình. Quyền này hướng tới việc bảo tồn đa dạng sinh học đất, duy trì hàm lượng hữu cơ và bảo vệ các quá trình sinh học nền tảng đang diễn ra dưới bề mặt đất.

Cần nhấn mạnh rằng những quyền tự thân được đề xuất ở đây không phải là các quyền theo nghĩa truyền thống của luật học, mà là những nguyên tắc bảo hộ sinh thái nhằm xác định các giới hạn mà con người cần tôn trọng trong quá trình khai thác và sử dụng đất. Vì vậy, quyền của đất không phải là điểm kết thúc của một cuộc tranh luận, mà mới chỉ là điểm khởi đầu cho một cách tiếp cận mới đối với đất trong nông nghiệp và quản trị tài nguyên.

Tuy nhiên, việc xác lập các quyền tự thân của đất chỉ mới giải quyết một nửa vấn đề. Một quyền chỉ thực sự có ý nghĩa khi đi kèm với những chủ thể có trách nhiệm tôn trọng và thực thi quyền đó. Vì vậy, nếu đất được nhìn nhận là đối tượng cần được bảo hộ, câu hỏi tiếp theo không còn là đất có những quyền gì, mà là con người cần làm gì để các quyền ấy được tôn trọng trong thực tiễn.

4.3. Từ quyền của đất đến trách nhiệm của con người

Đất không thể tự lên tiếng cho các quyền của mình. Đất cũng không thể tự bảo vệ mình trước những áp lực khai thác ngày càng gia tăng. Bởi vậy, nếu quyền của đất được thừa nhận như một nguyên tắc sinh thái - quản trị, thì trách nhiệm bảo đảm các quyền ấy trước hết thuộc về con người.

Trách nhiệm đầu tiên là tôn trọng các giới hạn sinh thái của đất

Mỗi quyền tự thân được đề xuất trong chuyên luận này đều phản ánh một giới hạn sinh thái mà đất cần được duy trì để tiếp tục thực hiện các chức năng sống của mình. Do đó, mọi hoạt động khai thác và sử dụng đất cần tránh gây xói mòn, ô nhiễm, suy giảm đa dạng sinh học hoặc những tác động vượt quá khả năng tự phục hồi của hệ đất.



Ảnh 13: Nền đất được phủ bởi bã cà phê ủ vi sinh và trấu cà phê. Nguồn: Forest Trends



THÁNG 6, 2026

Trách nhiệm thứ hai là không gây ra những tổn hại vượt quá khả năng tự phục hồi của đất

Cũng như mọi hệ sinh thái khác, đất có khả năng tự điều chỉnh và tái tạo ở một mức độ nhất định. Tuy nhiên, khả năng ấy không phải là vô hạn. Khi áp lực khai thác liên tục vượt quá ngưỡng chịu tải trong thời gian dài, các cơ chế tự phục hồi sẽ dần suy giảm hoặc mất đi. Vì vậy, nguyên tắc phòng ngừa cần được đặt lên trước các biện pháp khắc phục. Ngăn ngừa suy thoái đất luôn ít tốn kém và hiệu quả hơn so với phục hồi một nền đất đã bị tổn thương nghiêm trọng.

Trách nhiệm thứ ba là gìn giữ đất như một di sản sinh thái liên thế hệ

Đất không chỉ là nguồn lực phục vụ nhu cầu phát triển của hiện tại mà còn là nền tảng sinh thái của những thế hệ tương lai. Cách nhìn này không xa lạ với truyền thống ứng xử của cha ông, nơi đất đai thường được xem là phần tài sản quý giá cần được gìn giữ và trao lại cho con cháu. Khi tiếp cận từ góc độ quyền của đất, trách nhiệm ấy được mở rộng hơn: không chỉ gìn giữ quyền sử dụng đất, mà còn gìn giữ khả năng sống của đất. Điều đó có nghĩa là những lợi ích kinh tế ngắn hạn không thể trở thành lý do để đánh đổi các chức năng sinh thái nền tảng mà quá trình phục hồi có thể phải mất nhiều năm, thậm chí nhiều thế hệ mới có thể tái tạo được.

Chính vì đất không thể tự đại diện cho các lợi ích của mình nên việc bảo vệ các quyền tự thân của đất luôn đòi hỏi sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau. Đây cũng là cơ sở để xuất hiện những thảo luận về cơ chế giám hộ đất và các hình thức đại diện cho các lợi ích dài hạn của hệ đất trong thực tiễn quản trị.

Trong thực tiễn, trách nhiệm này không thuộc về một chủ thể duy nhất. Người nông dân, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, giới khoa học và toàn xã hội đều có vai trò trong việc bảo đảm các điều kiện để đất tiếp tục duy trì các chức năng sống của mình. Mức độ và hình thức trách nhiệm có thể khác nhau, nhưng đều cùng hướng tới một mục tiêu chung là duy trì sức khỏe của hệ đất như nền tảng của phát triển bền vững.

“ ***Quyền của đất không phải là sự mở rộng quyền lực cho đất, mà là sự giới hạn quyền lực của con người đối với đất.*** ”

Nó nhắc nhở rằng quyền khai thác luôn phải đi cùng trách nhiệm gìn giữ; quyền sử dụng luôn phải đi cùng nghĩa vụ bảo tồn; và mọi lợi ích của hiện tại đều cần được đặt trong mối quan hệ với khả năng tiếp tục tồn tại của đất trong tương lai.

Chính từ sự chuyển dịch ấy, quyền của đất không còn là một khái niệm thuần túy mang tính học thuật. Nó trở thành một lời nhắc nhở về trách nhiệm của con người đối với nền tảng sinh thái đang âm thầm nâng đỡ sự sống, đồng thời mở ra một cách tiếp cận mới nhằm dung hòa giữa nhu cầu phát triển và yêu cầu bảo vệ những điều kiện tồn tại của chính sự sống trên Trái Đất.



CHƯƠNG V

BỐI CẢNH VIỆT NAM

KHOẢNG TRỐNG PHÁP LÝ VÀ ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ GIÁM HỘ

Những phân tích trong các chương trước cho thấy quyền của đất không phải là một ý tưởng xuất hiện từ khoảng trống, mà được hình thành từ thực tiễn suy thoái đất, các tranh luận về quyền của tự nhiên và nhu cầu tìm kiếm một cách tiếp cận mới đối với nền tảng sinh thái đang nâng đỡ sự sống. Tuy nhiên, giá trị của một khái niệm không chỉ nằm ở ý nghĩa học thuật mà còn ở khả năng đối thoại với thực tiễn. Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, quyền của đất vẫn còn là một khái niệm khá mới mẻ. Vì vậy, việc xem xét phản ứng xã hội, nhận diện các khoảng trống pháp lý và thảo luận về cơ chế giám hộ đất trở thành bước cần thiết để đánh giá khả năng vận dụng cách tiếp cận này trong thực tiễn.

... quyền của đất không đối lập với quyền của con người. Ngược lại, nó xuất phát từ nhận thức rằng tương lai của con người phụ thuộc vào sức khỏe của đất.

5.1. Quyền của đất và phản ứng của xã hội

Nếu khái niệm “*quyền của đất*” được đưa ra trong một cuộc thảo luận công khai ở Việt Nam hiện nay, phản ứng đầu tiên có lẽ sẽ là sự ngạc nhiên. Nhiều người có thể đặt câu hỏi: đất mà cũng có quyền sao? Một thực thể vô tri như đất thì làm sao có thể có quyền? Nếu đất có quyền thì ai sẽ đại diện cho quyền ấy?

Những phản ứng này phản ánh cách nhìn phổ biến lâu nay: đất chủ yếu được xem như tài sản hoặc tư liệu sản xuất. Giá trị của đất thường được đánh giá thông qua khả năng tạo ra sản phẩm, thu nhập và các lợi ích kinh tế khác. Vì vậy, việc nói đến quyền

của đất dễ tạo cảm giác xa lạ, bởi khái niệm quyền thường gắn với con người hoặc các chủ thể pháp lý có khả năng thể hiện ý chí và tham gia vào các quan hệ xã hội.

Tuy nhiên, quyền của đất không nhằm nhân cách hóa đất hay trao cho đất những quyền tương tự con người. Điều mà cách tiếp cận này hướng tới là việc thừa nhận những điều kiện tồn tại cần được bảo vệ nếu con người muốn duy trì lâu dài các chức năng sinh thái mà đất đang cung cấp.

Theo đó, quyền của đất không đối lập với quyền của con người. Ngược lại, nó xuất phát từ nhận thức rằng tương lai của con người phụ thuộc vào sức khỏe của đất. Khi đất bị suy thoái,



Ảnh 14: Ranh giới giữa rừng tự nhiên và vùng chuyên canh. Nguồn: Forest Trends



THÁNG 6, 2026

những hệ quả cuối cùng không chỉ dừng lại ở bản thân đất mà còn tác động trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, nguồn nước, đa dạng sinh học và sinh kế của cộng đồng.

Vì vậy, câu hỏi quan trọng có lẽ không còn là liệu đất có nên có quyền hay không, mà là làm thế nào để bảo vệ những điều kiện cần thiết để đất tiếp tục duy trì khả năng sống của mình trong bối cảnh các áp lực khai thác ngày càng gia tăng.

5.2. Khoảng trống pháp lý trong bảo vệ sức khỏe đất

Trong những năm gần đây, cùng với yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, hệ thống pháp luật Việt Nam đã từng bước bổ sung nhiều quy định liên quan đến bảo vệ đất, phòng ngừa suy thoái đất và sử dụng đất hợp lý. Luật Đất đai năm 2024, Luật Bảo vệ môi trường cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đều đã đề cập đến trách nhiệm bảo vệ đất, chống thoái hóa, chống ô nhiễm và phục hồi các khu vực đất bị suy giảm chất lượng.

Những quy định này cho thấy đất không còn được nhìn nhận đơn thuần như một nguồn lực phục vụ sản xuất mà đã bắt đầu được quan tâm dưới góc độ môi trường và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, xét từ góc độ sức khỏe đất và quyền của đất, vẫn có thể nhận thấy một số khoảng trống đáng chú ý.

Trước hết, phần lớn các quy định hiện hành vẫn tiếp cận đất chủ yếu như một loại tài nguyên cần được quản lý và khai thác hiệu quả. Mục tiêu bảo vệ đất thường gắn với việc duy trì năng suất sử dụng đất, phòng ngừa ô nhiễm hoặc bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội. Trong khi đó, các chức năng sinh thái của đất với tư cách một hệ sinh thái sống vẫn chưa thực sự trở thành trung tâm của các cơ chế quản lý.

Khoảng trống thứ hai nằm ở việc thiếu các công cụ theo dõi và đánh giá sức khỏe đất một cách thường xuyên và có hệ thống. Trong thực tiễn sản xuất, nhiều biểu hiện suy thoái đất chỉ được nhận biết khi năng suất cây trồng giảm sút hoặc khi các vấn đề môi trường đã trở nên rõ rệt. Điều này khiến các biện pháp quản lý thường mang tính xử lý hậu quả nhiều hơn là phòng ngừa từ sớm.

Khoảng trống thứ ba liên quan đến trách nhiệm bảo vệ các lợi ích dài hạn của đất. Mặc dù pháp luật đã quy định trách nhiệm của người sử dụng đất và các cơ quan quản lý nhà nước, nhưng hiện nay chưa có cơ chế chuyên biệt nào đóng vai trò theo dõi, cảnh báo và bảo vệ sức khỏe đất với tầm nhìn dài hạn vượt ra ngoài chu kỳ sản xuất hoặc nhiệm kỳ quản lý.

Bên cạnh đó, khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn sản xuất vẫn còn đáng kể. Nhiều hoạt động canh tác vẫn đặt trọng tâm vào mục tiêu tối đa hóa năng suất trong ngắn hạn, dẫn đến tình trạng lạm dụng phân bón hóa học, suy giảm hữu cơ, xói mòn đất và suy giảm đa dạng sinh học đất ở nhiều nơi.

Chính khoảng trống ấy đặt ra nhu cầu tìm kiếm những cơ chế có khả năng đại diện và bảo vệ tốt hơn các lợi ích dài hạn của đất. Đây cũng là cơ sở cho những gợi mở về cơ chế giám hộ đất trong phần tiếp theo.



THÁNG 6, 2026

Nếu đất là nền tảng của sự sống, thì bên cạnh việc quản lý và khai thác, xã hội cũng cần những cơ chế đủ khả năng bảo vệ các lợi ích dài hạn của đất.

5.3. Đề xuất cơ chế giám hộ đất

Những phân tích ở các phần trước cho thấy một thực tế đáng chú ý: nếu đất được nhìn nhận như một hệ sinh thái sống cần được bảo vệ, thì việc bảo vệ các lợi ích dài hạn của đất không thể chỉ dựa vào các cơ chế quản lý truyền thống hoặc các quyết định sản xuất mang tính ngắn hạn.

Câu hỏi được đặt ra từ các chương trước vì thế tiếp tục trở lại: ai sẽ lên tiếng cho quyền của đất?

Đất không thể tự đại diện cho những tổn thương của mình. Tuy nhiên, những thay đổi về hàm lượng chất hữu cơ, mức độ xói mòn, khả năng giữ nước, đa dạng sinh học hay các dấu hiệu ô nhiễm chính là những tín hiệu phản ánh tình trạng của hệ đất sống. Vì vậy, vấn đề không phải là nói thay cho đất, mà là làm thế nào để xã hội có thể nhận diện và phản hồi trước những tín hiệu ấy thông qua khoa học và thực tiễn quản lý.

Từ đó, chuyên luận này đề xuất khái niệm giám hộ đất như một cách tiếp cận nhằm theo dõi, cảnh báo và bảo vệ sức khỏe đất trong dài hạn. Về bản chất, cơ chế giám hộ không tập trung vào việc giám sát người sử dụng đất, mà tập trung vào việc theo dõi các chỉ báo phản ánh tình trạng của hệ đất sống, qua đó phát hiện sớm nguy cơ suy thoái và đề xuất các giải pháp phù hợp.

Trong giai đoạn đầu, cơ chế giám hộ đất có thể được hình dung như một thiết chế tư vấn và phân biện chính sách hơn là một cơ quan quản lý mới. Một Hội đồng giám hộ đất hoạt động theo nguyên tắc đa bên với sự tham gia của giới khoa học, cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng người sử dụng đất và các nguồn tri thức bản địa có thể là một gợi ý ban đầu. Mục tiêu không phải là ban hành các mệnh lệnh hành chính hay tạo thêm tầng nấc quản lý, mà là cung cấp cảnh báo sớm, khuyến nghị khoa học và tạo không gian đối thoại nhằm bảo vệ các lợi ích dài hạn của đất.

Đối với Việt Nam, đây mới chỉ là một gợi ý ban đầu. Việc hình thành bất kỳ cơ chế giám hộ nào trong tương lai đều cần được nghiên cứu kỹ lưỡng về cơ sở pháp lý, tính khả thi và sự phù hợp với hệ thống quản lý hiện hành.

Tuy nhiên, ý tưởng về giám hộ đất cho thấy một hướng tiếp cận đáng suy ngẫm: nếu đất là nền tảng của sự sống, thì bên cạnh việc quản lý và khai thác, xã hội cũng cần những cơ chế đủ khả năng bảo vệ các lợi ích dài hạn của đất. Theo đó, cơ chế giám hộ không phải là sự mở rộng bộ máy quản lý, mà trước hết là sự mở rộng trách nhiệm của xã hội đối với đất, thông qua đối thoại giữa khoa học, chính sách, cộng đồng và tri thức bản địa nhằm bảo đảm rằng các lợi ích sinh thái dài hạn không bị lấn át bởi những mục tiêu kinh tế trước mắt.





THÁNG 6, 2026

CHƯƠNG VI QUYỀN CỦA ĐẤT LÒNG BIẾT ƠN VÀ BỔN PHẬN ĐỀN ĐÁP

Sau những thảo luận về suy thoái đất, quyền của tự nhiên, các cơ chế bảo vệ và giám hộ đất, vẫn còn một câu hỏi sâu xa hơn: vì sao con người cần quan tâm đến quyền của đất?

Câu trả lời có thể không chỉ nằm ở luật pháp, chính sách hay các công cụ quản trị. Nó còn bắt nguồn từ nhận thức rằng con người đang sống nhờ đất, tồn tại nhờ đất và có trách nhiệm với nền tảng đã âm thầm nuôi dưỡng mình qua nhiều thế hệ.

Ở chiều sâu hơn, quyền của đất không chỉ là một vấn đề pháp lý, mà còn là câu chuyện của lòng biết ơn và bổn phận đền đáp.

6.1. Lòng biết ơn là điểm khởi đầu

Trước khi trở thành đối tượng của các chính sách quản lý hay các cuộc tranh luận học thuật, đất trước hết là nền tảng đã nuôi dưỡng sự sống của con người từ những ngày đầu tiên của lịch sử.

Mọi nền văn minh nông nghiệp đều được hình thành trên đất. Lương thực con người sử dụng hằng ngày, nguồn nước được giữ lại trong các hệ sinh thái, những cánh rừng, đồng cỏ hay các vùng canh tác màu mỡ đều tồn tại nhờ những quá trình sinh học âm thầm diễn ra trong lòng đất. Theo nghĩa đó, đất không chỉ là nơi con người đứng lên để sinh sống, mà còn là nền tảng giúp con người tồn tại.

Cha ông ta từ rất sớm đã nhận thức được mối quan hệ ấy. Trong đời sống nông nghiệp truyền thống, đất không đơn thuần được xem là một tư liệu sản xuất. Đất còn gắn với sinh kế, gia đình, tổ tiên và tương lai của con cháu. Nhiều phong tục, lễ nghi và tập quán canh tác được

hình thành không chỉ để cầu mong mùa màng thuận lợi, mà còn phản ánh sự trân trọng đối với tự nhiên và những nguồn lực đang nuôi dưỡng cuộc sống của cộng đồng.

Ngày nay, dưới tác động của khoa học và công nghệ, con người có thể tạo ra những năng suất mà các thế hệ trước khó có thể hình dung. Nhưng cùng với đó, chúng ta cũng dễ quên đi sự phụ thuộc sâu sắc của mình vào những nền tảng sinh thái cơ bản. Khi thực phẩm xuất hiện trên kệ hàng và vật tư nông nghiệp có thể được mua bán dễ dàng, đất dần trở thành một yếu tố quen thuộc đến mức ít được chú ý.

Quyền của đất không bắt đầu từ luật pháp. Nó bắt đầu từ sự ghi nhận rằng đất không chỉ mang lại giá trị kinh tế, mà còn là nền tảng của sự sống. Và mọi trách nhiệm đối với đất, suy cho cùng, đều bắt đầu từ nhận thức ấy.

Quyền của đất không bắt đầu từ luật pháp. Nó bắt đầu từ sự ghi nhận rằng đất không chỉ mang lại giá trị kinh tế, mà còn là nền tảng của sự sống. Và mọi trách nhiệm đối với đất, suy cho cùng, đều bắt đầu từ nhận thức ấy.



THÁNG 6, 2026

Bổn phận đền đáp không phải là một nghĩa vụ được áp đặt từ bên ngoài. Nó xuất phát từ sự thấu hiểu rằng những gì chúng ta nhận được hôm nay là kết quả của sự tích lũy từ quá khứ, và những gì chúng ta để lại sẽ góp phần định hình tương lai.

6.2. Bổn phận đền đáp là nền tảng

Lòng biết ơn giúp con người nhận ra mình đang nhận từ đất nhiều hơn những gì thường thấy. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở sự ghi nhận ấy thì vẫn chưa đủ để tạo nên một mối quan hệ bền vững giữa con người và đất.

Trong mọi nền văn hóa nông nghiệp, biết ơn thường luôn đi cùng với đền đáp. Khi nhận một điều gì đó có giá trị, con người cũng đồng thời mang trong mình trách nhiệm gìn giữ, bồi hoàn và trao lại. Đó không chỉ là một nguyên tắc đạo đức trong quan hệ giữa người với người, mà còn có thể được mở rộng tới mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.

Đất đã nuôi dưỡng con người qua nhiều thế hệ. Nhưng mỗi mùa vụ cũng đồng thời lấy đi một phần sinh lực của đất. Trong điều kiện tự nhiên, những tổn hao ấy có thể được phục hồi theo thời gian. Tuy nhiên, khi cường độ khai thác vượt quá khả năng tự tái tạo của đất, sự cân bằng bắt đầu bị phá vỡ. Đó cũng là lúc bổn phận đền đáp trở thành một yêu cầu mang tính đạo đức và sinh thái.

Đền đáp cho đất không có nghĩa là trả lại cho đất chính xác những gì đã lấy đi. Điều quan trọng hơn là bảo đảm rằng quá trình sử dụng đất luôn đi kèm với những nỗ lực duy trì và phục hồi sức khỏe của đất. Trong cách tiếp cận quyền của đất, bổn phận đền đáp chính là mặt còn lại của quyền được bảo hộ. Nếu đất có những điều kiện tồn tại cần được tôn trọng, thì con người cũng có trách nhiệm gìn giữ những điều kiện ấy.

Bổn phận đền đáp không phải là một nghĩa vụ được áp đặt từ bên ngoài. Nó xuất phát từ sự thấu hiểu rằng những gì chúng ta nhận được hôm nay là kết quả của sự tích lũy từ quá khứ, và những gì chúng ta để lại sẽ góp phần định hình tương lai. Chính sự kết nối ấy làm nên nền tảng đạo đức sâu xa của quyền của đất.



Ảnh 17: Nền đất màu mỡ của vườn cà phê tại hợp tác xã Bích Thảo (Sơn La) được áp dụng chế độ dinh dưỡng từ phân hữu cơ và vi sinh từ năm 2018. Nguồn: Forest Trends



THÁNG 6, 2026

6.3. Cam kết liên thế hệ và trách nhiệm đạo đức sinh thái nhân văn

Lòng biết ơn giúp con người nhận ra mình đang sống nhờ đất. Bản phận đền đáp nhắc nhở con người về trách nhiệm gìn giữ những gì đất đã trao tặng. Nhưng để những giá trị ấy không chỉ dừng lại ở nhận thức, chúng cần được chuyển hóa thành những cam kết lâu dài giữa các thế hệ.

Đất là một trong số ít những di sản mà mỗi thế hệ vừa là người thụ hưởng, vừa là người trao truyền. Chúng ta nhận lại nền đất hôm nay từ những người đi trước và đồng thời có trách nhiệm trao lại cho những người đến sau. Vì vậy, cách ứng xử với đất chưa bao giờ chỉ là câu chuyện của hiện tại. Đó còn là một lựa chọn mang tính liên thế hệ.

Cam kết liên thế hệ trước hết là cam kết không chuyển những tổn thất sinh thái của hôm nay thành gánh nặng cho tương lai. Đó là sự lựa chọn phát triển trong giới hạn chịu tải của đất, sử dụng đất đi đôi với phục hồi đất và bảo đảm rằng những lợi ích ngắn hạn không làm suy giảm khả năng sống của hệ đất trong dài hạn.

“ **Có lẽ, quyền của đất chỉ thực sự có ý nghĩa khi được chuyển hóa thành lòng biết ơn đối với những gì đất đã trao tặng, thành bản phận đền đáp đối với những gì con người đã nhận từ đất và thành cam kết gìn giữ một nền đất khỏe mạnh cho những thế hệ mai sau. Đó không chỉ là trách nhiệm sinh thái, mà còn là một lựa chọn đạo đức của con người trong hành trình phát triển của chính mình.** ”

Công nhận quyền cho đất không đơn thuần là mở rộng phạm vi của luật pháp hay điều chỉnh cách thức quản trị tài nguyên. Sâu xa hơn, đó là sự khôi phục một nền đạo đức sinh thái nhân văn, trong đó con người không chỉ nhận từ đất mà còn có trách nhiệm đáp lại những gì đất đã trao tặng.



THÁNG 6, 2026

KẾT LUẬN

Đất không thể tự đòi hỏi quyền cho mình. Chính vì thế, con người cần học cách lắng nghe những tín hiệu từ đất và ứng xử với đất bằng trách nhiệm, sự tôn trọng và tinh thần công bằng.

Sau tất cả những bàn luận về các khía cạnh pháp lý, quản trị hay phát triển, “quyền của đất” trước hết không bắt đầu từ luật pháp, mà bắt đầu từ lòng biết ơn đối với nền đất đã nuôi dưỡng chúng ta; và từ bốn phận đền đáp để những thế hệ mai sau vẫn còn được thừa hưởng một nền đất khỏe mạnh và giàu sức sống.

Quyền của đất, xét cho cùng, không chỉ là câu chuyện của đất, mà còn là câu chuyện về tương lai của chính chúng ta.



THÁNG 6, 2026

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO). *Status of the World's Soil Resources (SWSR) – Main Report*. Rome: FAO, 2015.
2. Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO). *Soil biodiversity and ecosystem services*. Rome: FAO, 2020.
3. United Nations Convention to Combat Desertification (UNCCD). *Global Land Outlook, Second Edition*. Bonn: UNCCD, 2022.
4. IPBES (Intergovernmental Science-Policy Platform on Biodiversity and Ecosystem Services). *Global Assessment Report on Biodiversity and Ecosystem Services*. Bonn: IPBES Secretariat, 2019.
5. Altieri, Miguel A. *Agroecology: The Science of Sustainable Agriculture*. CRC Press, 2018.
6. Gliessman, Stephen R. *Agroecology: The Ecology of Sustainable Food Systems*. Third Edition. CRC Press, 2015.
7. Rodale Institute. *Regenerative Agriculture and the Soil Carbon Solution*. Pennsylvania, USA, 2020.
8. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên (WASI). *Báo cáo hiện trạng suy thoái đất và quản lý bền vững đất bazan Tây Nguyên*. Đắk Lắk, nhiều năm xuất bản.
9. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *Đề án phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*. Hà Nội, 2022.
10. Lê Minh Hoan. *Các bài viết, phát biểu và trao đổi chính sách về nông nghiệp sinh thái, sức khỏe đất và phát triển bền vững trên các diễn đàn chuyên ngành giai đoạn 2021–2025*.
11. Stone, Christopher D. *Should Trees Have Standing? Toward Legal Rights for Natural Objects*. Southern California Law Review, Vol. 45, 1972.
12. Lal, Rattan. *Rights of Soil*. Journal of Soil and Water Conservation, Vol. 74(6), 2019.
13. van Mansvelt, Jan Dirk et al. *The Soil as a Living Entity: Rights of Soil and Ecological Ethics*. Organic Agriculture Journal, 2021.
14. Peake, Lewis & Robb, Charlotte. *Rights of Soil: Reframing Land Through Ecological Jurisprudence*. Environmental Humanities, 2021.



Mọi phản hồi và câu hỏi, vui lòng gửi đến email: mekongrg@gmail.com

Để biết thêm thông tin về các báo cáo khác, vui lòng truy cập website: mkrq.org hoặc quét mã QR

Tài liệu này được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Vương quốc Anh. Các thông tin đưa ra trong tài liệu này là của tác giả và không phản ánh quan điểm của Forest Trends và nhà tài trợ.

